TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/DS-PT
Ngày 28 - 02 - 2025
V/v *Tranh chấp quyền sử dụng đất và tháo dỡ tài sản trên đất*

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Sơn;

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc* tham gia phiên toà*:

Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2024/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024 về *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và tháo dỡ tài sản trên đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 42/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn V, xã Hội T (xã V cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959; địa chỉ: Số C, Q, tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

- Ông Phan Thành T1, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà A, ngõ C, đường H, Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

(Văn bản ủy quyền ngày 18/7/2023)

***2. Bị đơn*:**

2.1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1945; (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn V: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950, địa chỉ: Thôn V, xã Hội T (xã V cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (theo văn bản ủy quyền ngày 21/6/2024); (có mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950; (có mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã Hội T (xã V cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1968;

3.2. Chị Phạm Thị Đ (T2), sinh năm 1972;

3.3. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1976;

3.4. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1976;

3.5. Anh Nguyễn Văn N2, sinh năm 1980;

3.6.Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1980;

3.7. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1977;

Đều có địa chỉ: Thôn V, xã Hội T (xã V cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N1, chị Đ, anh N2, chị H1, anh T3, chị Q, chị L: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950, địa chỉ: Thôn V, xã Hội T (xã V cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (theo văn bản ủy quyền ngày 21/6/2024); (có mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn K - Nguyên đơn.

5. *Viện kiểm sát không kháng nghị.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành T4 trình bày:

Ông K có thửa đất số 63, tờ bản đồ số 9 (thửa đất số 63) diện tích 599m^2, còn ông V, bà N có thửa đất số 62, tờ bản đồ số 9 (thửa đất số 62), cả hai thửa đất đều có địa chỉ ở thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (theo bản đồ 299). Hai thửa đất này giáp ranh nhau. Thửa đất số 63 đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T cũ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số phát hành A835642 ngày 01/5/1993 đứng tên ông Nguyễn Văn K.

Khoảng năm 1993 gia đình ông V, bà Na đắp tường đất lấn sang thửa đất số 63 và phá bức tường cũ và trồng hàng rào cây cúc tần trên đất. Khi hàng cây cúc tần lớn lên gió thổi nên hàng rào đổ sang thửa đất số 63, cây ngả đến đâu mọc rễ đến đó. Ông V bà N đã nhận phần đất có cây mọc lấn sang là đất của gia đình ông V bà N nên ông V bà N đã xây tường lấn sang diện tích đất của gia đình ông K. Ông K đã nhiều lần đề nghị với ông bà Vinh N3 nhưng ông bà Vinh

N3 không nghe và cho rằng ông V bà N3 không chiếm đất của ông K. Đề phòng việc lấn chiếm tiếp theo của gia đình ông V, bà N3 nên ông K đã xây tường rào gạch phía bên thửa đất số 63 để bảo vệ đất. Năm 2023 khi Nhà nước có chủ trương cấp đổi GCNQSDĐ từ sổ đỏ sang sổ hồng, ông K đã thuê công ty Đ2 kiểm tra lại thửa đất số 63 mục đích lập trích lục sơ đồ đất để làm thủ tục cấp đổi GCNQSDĐ. Sau khi đo đạc thửa đất số 63 chỉ còn diện tích là 525,8m^2, bị thiếu 73,2m^2 so với diện tích đất đã được cấp trong GCNQSDĐ năm 1993. Sau khi đo đạc lại ông K mới biết gia đình bà N3 đã lấn chiếm đất của ông là 73,2m^2, nên tháng 10 năm 2023 ông K đã khởi kiện. Do thời điểm lấn chiếm đất, ông V bà N3 chưa cho các con đất, thửa đất vẫn đứng tên ông V, bà N3 và ông V bà N3 là người trực tiếp lấn chiếm đất nên ông K đã khởi kiện ông V, bà N3. Quá trình Tòa án thu thập chứng cứ ông K mới biết ông V, bà N3 đã cho các con là anh N1, chị Đ diện tích đất có ngôi nhà cũ do ông V, bà N3 xây dựng, tiếp theo là phần đất cho chị L, tiếp giáp diện tích đất cho chị L là diện tích đất cho anh N2 chị H1, tiếp theo là diện tích đất cho anh T3 chị Q. Cả bốn diện tích đất mà ông V, bà N3 cho các con đều tiếp giáp với thửa đất số 63 của gia đình ông K. Hiện nay, ông V bà N3 vẫn ở cùng các con trên các thửa đất trên. Đối với phần đất ở vị trí có ngôi nhà mà ông V, bà N3 đã cho anh N1 chị Đ, năm 1993 ông V bà N3 đã xây 01 bức tường đất là ranh giới giữa hai bên. Tuy nhiên, hiện nay ở vị trí phía sau ngôi nhà có một đoạn không còn tường, còn một đoạn do trước đó gia đình bà N3 ông V đã lấn chiếm nên năm 1996 gia đình ông K đã xây một bức tường gạch lên trên bức tường đất do gia đình bà N3 xây trước đó. Còn diện tích đất mà bà N3 cho chị L thì chỉ có một phần bức tường do gia đình ông K xây phần này bà N3 có lấn chiếm, phần còn lại là tường nhà do gia đình ông K xây. Phần đất này gia đình bà N3 không lấn chiếm. Còn phần đất mà anh N2 chị H1 làm nhà, trước khi làm nhà bà N3 đã xây một bức tường đất sau đó trồng một rặng cây cúc tần phía bên đất của gia đình ông K. Phần đất này khi xây tường đất gia đình N3 đã lấn chiếm đất của gia đình ông K, nên khi anh N2 làm nhà đã lấn vào đất của ông K khoảng 1,5m; còn đoạn đất hiện nay do vợ chồng anh T3 sử dụng cũng có bức tường ranh giới giữa hai bên do gia đình ông K xây khoảng năm 1995, phần đất này gia đình bà N3 cũng lấn của gia đình ông K 1,5m, để ngăn chặn việc lấn đất nên ông K đã xây một bức tường từ năm 1995. Ông K đã biết gia đình bà N3 lấn chiếm đất như trình bày trên từ năm 1995, 1996 nhưng do nghĩ là không đòi được và không xác định được lấn bao nhiêu và lấn diện tích không đáng kể nên ông K không khiếu kiện gì, nên từ năm 1995 đến năm 2023 hai bên không xảy ra tranh chấp gì. Nay ông K khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông V bà N3 và các con ông V bà N3 là anh N1, chị Đ; anh N2, chị

H1; anh T3, chị Q và chị L ai sử dụng phần đất nào phải trả cho ông K phần diện tích đất đó. Trên đất có tài sản gì thì buộc ông V bà N3 và các con ông V bà N3 phải tháo dỡ tài sản trên đất để trả lại đất cho ông K vì đây là đất của riêng của ông K. Khi khởi kiện ông K yêu cầu ông V,bà N3 trả lại diện tích là 73,2m^2. Tuy nhiên, theo kết quả đo đạc hiện trạng ngày 25/4/2024 thì ông K xác định diện tích đất bị ông V, bà N3 và các con ông V bà N3 lấn chiếm có tổng diện tích là 53,2m^2. Trong đó anh N1, chị Đ sử dụng diện tích đất S1= 19,4m^2; Diện tích đất S2 = 4,6m^2 anh N1, chị Đ sử dụng từ điểm 5 đến 6; chị L sử dụng từ điểm 4 đến 5; anh N2, chị H1 sử dụng diện tích đất S3 = 12,7m^2; anh T3 chị Q sử dụng diện tích đất S4 = 16,5m^2. Theo đó nguyên đơn đề nghị bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả cho nguyên đơn 53,2m^2 bà N3 ông V và các con ai sử dụng phần đất nào thì có trách nhiệm trả cho nguyên đơn phần đất đó và đề nghị bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải tháo dỡ các tài sản đã xây dựng trên đất để trả lại đất cho nguyên đơn.

Về chi phí tố tụng: Là 6.700.000 đồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông K là người cao tuổi đề nghị được miễn án phí.

Bà Nguyễn Thị N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền và ông Nguyễn Văn V, anh Nguyễn Văng N4, chị Nguyễn Thị Đ1, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn N2, chị Nguyễn Thị H1; anh Nguyễn Văn T3 và chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Gia đình bà với ông Nguyễn Văn K có mối quan hệ anh em. Nguồn gốc thửa đất số 62 là của ông cha để lại cho bà và ông V. Bà và ông V đã ở trên diện tích đất này từ năm 1967. Khi bà về ở tại thửa đất thì ranh giới giữa thửa đất của gia đình bà và gia đình ông K được thể hiện bằng rặng cây cổ thụ to là các cây ăn quả. Các cây này nằm bên đất của gia đình ông K, giáp với thửa đất số 62. Đến năm 1993 gia đình ông K đã chặt các cây này và đào hố để chứa nước tưới tre nên gia đình bà đã tiến hành đắp tường đất cao khoảng 30cm để xác định ranh giới giữa hai thửa đất và trồng cây cúc tần giáp chân tường phía đất của gia đình bà để giữ chân tường.

Năm 1993 vợ chồng bà cho vợ chồng con trai là anh Nguyễn Văn N1 một phần đất, trước khi cho anh N1 đất vợ chồng bà đã xây một bức tường đất cao khoảng 30cm, sau đó gia đình ông K xây tường gạch lên trên bức tường đất. Tiếp giáp diện tích đất cho vợ chồng anh N1 là diện tích đất cho chị L. Tiếp đó là diện tích đất cho anh N2, chị H1, trước đó đã có nhà mà vợ chồng bà xây từ năm 1977. Cùng năm 2014 vợ chồng anh N2 đã phá nhà cũ và xây nhà xây nhà mới, ranh giới giữa phần đất vợ chồng anh N2 sử dụng với đất của gia đình ông K trước khi anh N2 xây nhà là bức tường bếp của gia đình ông K, sau đó ông K

làm nhà đã phá tường bếp nên hiện nay phần đất này không có gì ngăn cách giữa hai thửa đất là một khoảng trống giữa hai bức tường nhà của vợ chồng anh N2 và ông K. Đất của vợ chồng anh N2 được xác định từ bức tường nhà ra phần đất giáp nhà ông K là 20cm. Đối với phần đất mà vợ chồng bà cho vợ chồng anh T3 thì ranh giới giữa hai bên là bức tường gạch do gia đình ông K xây từ năm 1995.

Ranh giới giữa hai bên đã được hai bên xác định và trực tiếp gia đình ông K xây tường ngăn cách từ nhiều năm không có tranh chấp gì. Việc ông K trình bày gia đình bà lấn đất là không đúng. Nay ông K yêu cầu buộc bà, ông V và các con bà phải trả cho ông K phần diện tích đất tổng diện tích là 53,2m^2 và tháo dỡ tài sản trên đất để trả lại đất cho ông K, vợ chồng bà và các con bà không đồng ý vì không có việc lấn chiếm. Gia đình ông K đã tự xây tường để phân định ranh giới, hai bên đã sử dụng đất nhiều năm, không có tranh chấp gì. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xem kết quả đo đạc bà đồng ý với kết quả đo đạc ngày 25/4/2024.

Tại bản án sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K về yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị N và các thành viên trong gia đình ông V, bà N gồm anh Nguyễn Văn N1, chị Nguyễn Thị Đ1, anh Nguyễn Văn N2, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Văn T3, chị Nguyễn Thị Q tháo dỡ tài sản trên đất để trả lại cho ông K 53,2m^2.

- Ranh giới giữa các thửa đất số 38,37,62,63 với các thửa đất 36, 64, tờ bản đồ số 24 (theo bản đồ VN B), địa chỉ các thửa đất ở thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc thể hiện chi tiết trong sơ đồ hiện trạng thửa đất và tài sản gắn liền trên đất đo vẽ ngày 25/4/2024. Được xác định bởi các mốc giới: 25,26,27,30,15,16,3,4,5,6,7.

Kèm theo bản án là sơ đồ hiện trạng thửa đất.

- Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/9/2024 ông Nguyễn Văn K là nguyên đơn có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Xử buộc bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn V và các con của ông bà là anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Văn N2, anh Nguyễn Văn T3, chị Nguyễn Thị L tháo dỡ tài sản trên đất lấn chiếm để trả lại cho gia đình ông K diện tích đất lấn chiếm 53,2m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo, giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của của ông Nguyễn Văn K trong thời hạn luật định nên Hội đồng xét xử xem xét đơn theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"* là thiếu, bởi nguyên đơn còn có nội dung khởi kiện đề nghị tháo dỡ tài sản trên đất lấn chiếm. Nay cần xác định lại quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và tháo dỡ tài sản trên đất"*.

[3] Về nội dung kháng cáo: Ông Nguyễn Văn K kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn V và các con của ông bà N, V tháo dỡ tài sản trên đất lấn chiếm để trả lại cho gia đình ông K diện tích đất lấn chiếm 53,2m^2 tại thửa đất số 63 tờ bản đồ số 9 (Bản đồ 299) và là thửa đất 36, 64 tờ bản đồ số 24 (theo bản đồ VN B) ở thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như bản đồ 299, bản đồ VN 2000, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở để xác định: Theo bản đồ 299 gia đình ông K được quyền sử dụng thửa đất số 63 có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 559m^2 và gia đình ông V, bà N được quyền sử dụng thửa đất số 62a, 62b, 62c. Các thửa đất này của hai gia đình đều thuộc tờ bản đồ số 9. Cả ba thửa đất 62a, 62b, 62c đều có một chiều giáp thửa đất số 63 và hai gia đình đã sử dụng ổn định từ nhiều năm không có tranh chấp gì về mốc giới và đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể, năm 2002 thửa đất

số 62a được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn V có diện tích là 331m^2 (200m^2 đất ở, 131m^2 đất trồng cây lâu năm), thửa đất số 62b đứng tên anh Nguyễn Văn N1 có diện tích là 200m^2 đất ở và thửa đất số 62c đứng tên anh Nguyễn Văn T3 có diện tích là 200m^2 đất ở. Đến năm 2014 ông V bà N cho anh N2 một phần thửa đất số 62a và cho chị L 01 phần thửa 62a.

Quá trình sử dụng đất, từ năm 1993 gia đình ông V, bà N đã phân định ranh giới với thửa đất hộ ông K bằng việc đắp tường đất, và trồng hàng rào cây cúc tần giáp tường đất. Sau đó, từ năm năm 1995 hai gia đình đã phân định ranh giới là nhiều đoạn tường xây gạch do gia đình ông K xây. Khi hai gia đình đắp tường đất, trồng cây bờ rào và ông K xây tường phân định ranh giới giữa hai bên không có tranh chấp gì. Ông V, bà N đã xây dựng nhà trên đất, khoảng năm 1993 ông V, bà N cho vợ chồng con trai là anh Nguyễn Văn N1 và chị Phạm Thị Đ, năm 2014 cho anh N2, chị H1 và anh chị đã xây nhà trên đất. Tiếp giáp với các thửa đất 62a,62b,62c nêu trên ông V, bà N còn được sử dụng thửa đất số 61 và thửa đất 52 là đất ao. Ông V, bà N đã lấp ao và sử dụng liền với các thửa đất 52 và thửa đất số 61.Theo bản đồ VN 2000 thì không còn thửa 52 và 61 mà các thửa đất theo bản đồ VN 2000 các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 24 được xác định như sau: Thửa số 38 đứng tên anh N1 chị Đ (T) có diện tích là 525,7m^2; thửa số 37 đứng tên chị L có diện tích 169m^2; thửa số 62 diện tích 377m^2 đứng tên ông V, bà N; thửa số 63 đứng tên anh T3, chị Q có diện tích là 271,9m^2. Còn thửa đất số 63 (theo bản đồ 299) của gia đình ông K được tách thành hai thửa thửa số 36 diện tích 144,5m^2 và thửa số 64 diện tích 388,4m^2. Sau khi được bố mẹ cho đất thì các con ông V xây nhà và các công trình theo ranh giới mà nhà ông K, ông V tạo dựng trước đây và gia đình ông V không có ý kiến phản đối về việc xây nhà và công trình.

Đến năm 2022 ông K đi làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có thuê đơn vị đo đạc mới phát hiện đất bị thiếu 73,2m^2 nên ông K làm đơn khởi kiện đòi ông V, bà N đất.

Đối với việc các thửa đất mà ông V, bà N đã cho các con đều có diện tích lớn hơn theo bản đồ 299, đối chiếu bản đồ 299 và bản đồ VN2000 và kết quả đo đạc hiện trạng, thấy rằng bản đồ 299 các thửa đất 62a, 62b, 62c của gia đình ông V bà N có một chiều giáp đất của gia đình ông K, một chiều giáp đất ao là thửa 61 và thửa 52, tiếp giáp với các thửa đất ao nêu trên là đường dân sinh. Nhưng theo bản đồ VN2000 và sơ đồ hiện trạng sử dụng thì không còn các thửa đất ao và vị trí các đất ao này nằm trong các thửa đất đứng tên anh N1, chị Đ, chị L, anh N2, chị H1; anh T3, chị Q (theo bản đồ VN B). Do vậy, ông K đưa ra căn cứ đòi đất do bị thiếu đất các thửa đất gia đình ông V, bà N và các con ông V, bà N

đang sử có diện tích lớn hơn so với bản đồ 299 không phải là căn cứ. Nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K.

Tại phiên tòa phúc thẩm bên nguyên đơn không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho quan điểm kháng cáo của mình.

Từ những phân tích trên cho thấy bản án sơ thẩm là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm (có điều chỉnh cách tuyên án cho dễ hiểu).

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn K phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên Nguyễn Văn K là người cao tuổi và ngày 30/9/2024 có đơn xin miễn án phí, nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông Nguyễn Văn K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Áp dụng Điều 166, 175, 176, 245 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K về yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn N1, chị Nguyễn Thị Đ1, anh Nguyễn Văn N2, chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn T3, chị Nguyễn Thị Q tháo dỡ tài sản trên đất để trả lại cho ông Nguyễn Văn K 53,2m^2 đất ở thôn V, xã Hội Thịnh (xã V cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Ranh giới giữa thửa đất số 63, tờ bản đồ số 9 - Bản đồ 299 (Tức thửa đất 36, 64 tờ bản đồ số 24 - Bản đồ VN 2000) với các thửa đất số 38, 37, 62, 63, bản đồ số 24 - Bản đồ VN 2000 tại thôn V, xã Hội Thịnh (xã V cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc được xác định bởi các mốc giới 25, 26, 27, 30,15,16, 3, 4, 5, 6, 7 theo Sơ đồ hiện trạng thửa đất và tài sản gắn liền trên đất đo vẽ ngày 25/4/2024 kèm theo bản án.

3. Các đương sự có quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn K phải chịu 6.700.000đ (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng). Xác nhận ông Nguyễn Văn K đã nộp đủ và chi phí xong.

5.Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn K.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn K.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Thành